

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày 11-01-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 533/2022/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Băng N, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà có mở các dây hụi ngày cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất hụi 100.000 đồng, mở ngày 07/10/2020 âm lịch, mỗi ngày khai hụi 01 lần, không có danh sách hụi, tổng số 50 chung hụi, bà N không có tham gia hụi do bà làm chủ nhưng bà lấy 03 chung hụi của bà tham gia để hốt

hết 03 chung vào ngày 07/10/2020 âm lịch được số tiền 12.000.000 đồng và giao cho bà N, bà N có làm biên nhận do bà N tự ký và ghi nội dung, hui đã mãn vào ngày 27/11/2020 âm lịch. Dây hui thứ hai hui 100.000 đồng, mở ngày 03/11/2020 âm lịch, mỗi ngày khui hui 01 lần, không có danh sách hui, tổng số 50 chung hui, bà N không có tham gia hui do bà làm chủ nhưng bà lấy 03 chung hui của bà tham gia để hốt hết 03 chung vào ngày 03/11/2020 âm lịch được số tiền 12.000.000 đồng và giao cho bà N, có làm biên nhận do bà N tự ký và ghi nội dung. Dây hui thứ ba hui 100.000 đồng, mở ngày 26/12/2020 âm lịch, mỗi ngày khui hui 01 lần, không có danh sách hui, tổng số 50 chung hui, bà N không có tham gia hui do bà làm chủ nhưng bà lấy hui 03 chung hui của bà để hốt hết 03 chung vào ngày 26/12/2020 âm lịch được số tiền 12.000.000 đồng và giao tiền cho bà N, có làm biên nhận do bà N tự ký và ghi nội dung (biên nhận đề ngày 09/01/2021 âm lịch). Theo thỏa thuận của cả ba dây hui nói trên thì sau khi hốt hui thì hui bỏ bao nhiêu thì hằng ngày bà N sẽ đóng cho bà bằng số tiền hui viên bỏ hui hốt xem như là tiền lãi hui và sau 50 ngày là đến khi mãn hui thì bà N sẽ trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng/01 dây hui nên 03 dây phải trả tổng số tiền 45.000.000 đồng. Sau đó, bà N có trả cho bà số tiền hui viên bỏ hui hốt nhưng cũng trả không đầy đủ, bà cũng không có ghi lại cụ thể bà N đã trả cho bà được số tiền bao nhiêu nhưng cũng khoảng hơn 3.000.000 đồng, còn số tiền 45.000.000 đồng theo như thỏa thuận thì bà N không trả cho bà, bà không có ghi lại từng lần hui viên bỏ hui hốt nhưng trung bình khoảng từ 8.000 đồng - 12.000 đồng/01 chung hui. Đối với 01 tờ giấy có nội dung bắt đầu bằng chữ “N ... còn 12.000.000 vốn” không đề ngày tháng năm do bà N cung cấp là do bà ghi, bà cũng không nhớ ngày tháng năm ghi nội dung đó. Tờ giấy đó bà ghi nội dung của việc bà N có trả cho bà số tiền hui viên bỏ hui hốt đối với ba khoản tiền hui 36.000.000 đồng mà bà đã giao cho bà N. Trong đó, bà có ghi “còn 12.000.000 đồng vốn” là do vào ngày 26/12/2020 âm lịch bà N còn vay của bà số tiền 12.000.000 đồng nên bà mới ghi còn 12.000.000 đồng tiền vốn. Số tiền 12.000.000 đồng thì bà N còn ghi cho bà một “biên nhận vào ngày 26-12” của khoản tiền vay 12.000.000 đồng, hiện tại bà chưa có yêu cầu khởi kiện bà N, tổng số tiền bà N còn nợ bà là 45.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Băng N trả cho tổng số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải vào ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì bị đơn bà Nguyễn Băng N trình bày: Bà không biết dây hui của bà T làm chủ cụ thể như thế nào mà chỉ biết bà T có làm chủ hui nên có bà có gặp bà T để hỏi tiền thì giữa bà với bà T có thỏa thuận bà T giao cho bà số tiền 03 dây hui tổng cộng là 36.000.000 đồng đúng như bà T đã khai. Theo thỏa thuận sau khi bà T giao cho bà số tiền 12.000.000 đồng/01 dây thì đến khi mãn hui trong thời hạn 50 ngày, thì mỗi dây bà phải trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng/01 dây hui, tổng số tiền phải trả là 45.000.000 đồng, mỗi ngày góp 300.000 đồng/01 dây hui/50 ngày cho đến khi hết 15.000.000 đồng của 01 dây hui trong biên nhận chứ không phải sau khi hốt hui thì hui bỏ bao nhiêu thì hằng ngày bà sẽ đóng cho bà T bằng số tiền hui viên bỏ hui hốt và đến khi mãn hui sẽ trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng như bà T đã trình bày. Theo biên nhận ngày 09/01/2021 âm lịch thì bà nhận tiền ngày 26/12/2020 âm lịch nhưng bắt đầu đóng tiền 300.000 đồng cho bà T là vào ngày 09/01/2021 âm lịch nên biên nhận

ghi ngày 09/01/2021 âm lịch. Sau đó, bà đã góp cho bà T chỉ còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng nên bà T có ghi cho bà 01 tờ giấy có nội dung bắt đầu bằng chữ “N ... còn 12.000.000 vốn”, tờ giấy này không đề ngày tháng năm nhưng bà T ghi giấy đó cho bà là vào khoảng tháng 02/2021 âm lịch, sau khi giữa bà với bà T cộng trừ số tiền vốn và lãi bà đã đóng cho bà T thì bà T xác nhận bà chỉ còn nợ lại bà T 12.000.000 đồng nên bà T đã ghi “còn 12.000.000 vốn” chứ không phải 45.000.000 đồng như bà T khởi kiện. Sau khi trả tiền xong, bà đã có yêu cầu bà T trả lại biên nhận nhiều lần cho bà nhưng bà T không trả. Nay bà chấp nhận trả cho bà T số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng. Ngoài số tiền nói trên thì bà không có vay mượn khoản tiền nào khác của bà T.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc bà Nguyễn Băng N trả cho bà Trần Thị T với tổng số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng, buộc bà N phải hoàn trả lại tiền trung cầu giám định chữ ký, chữ viết cho bà T với số tiền 5.870.000 đồng. Đồng thời, buộc bà Nguyễn Băng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Băng N cư trú tại ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị T khởi kiện bà Nguyễn Băng N trả số tiền hui còn nợ là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T và bà N đều thừa nhận bà N không có tham gia hui do bà T làm chủ mà các bên thỏa thuận bà T lấy hui của bà T làm chủ và hót, sau đó giao cho bà N số tiền bà T hót hui, thời hạn trả tiền là đến khi mãn hui. Do đó, các bên thỏa thuận số tiền nhận và thời hạn trả tiền trên cơ sở hui do bà T làm chủ, giữa bà T và bà N không có trách nhiệm giữa chủ hui và hui viên mà là thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay tiền nên đây không phải là vụ án tranh chấp hui mà là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Băng N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Băng N là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, bà Trần Thị T yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Băng N trả số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N cho rằng bà N có trả cho bà T nên bà N chỉ còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng nên bà N chỉ chấp nhận trả cho bà T số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng.

Các đương sự đều thừa nhận bà N không có tham gia hội do bà T làm chủ nhưng do biết bà T có làm chủ hội nên giữa bà N và bà T có thỏa thuận bà T hốt hội của bà T do bà T làm chủ và giao tiền hội bà T hốt được cho bà N, cụ thể vào ngày 07/10/2020 âm lịch bà N có nhận của bà T số tiền 12.000.000 đồng, ngày 03/11/2020 âm lịch bà N có nhận của bà T số tiền 12.000.000 đồng và ngày 26/12/2020 âm lịch bà N có nhận của bà T số tiền 12.000.000 đồng, được thể hiện tại ba biên nhận vào các ngày 07/10/2020 âm lịch, 03/11/2020 âm lịch và ngày 09/01/2021 âm lịch do bà Nguyễn Băng N ký xác lập, tổng số tiền bà N đã nhận của ba biên nhận là 36.000.000 đồng. Giữa bà N và bà T thỏa thuận trả tiền thì đến khi mãn hội thì bà N phải trả cho bà T số tiền là 15.000.000 đồng/01 dây hội, tổng cộng 03 dây hội phải trả số tiền là 45.000.000 đồng.

Tuy nhiên, về phương thức trả tiền thì giữa bà T và bà N có sự trình bày không thống nhất với nhau, bà T cho rằng hằng ngày bà N trả cho bà đủ số tiền hội viên bỏ hội hốt xem như là lãi hội và khi kết thúc dây hội thì bà N phải trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng/01 dây hội nên 03 dây thì bà N phải trả tổng số tiền 45.000.000 đồng nhưng bà N thì cho rằng bà N phải góp hằng ngày cho bà T với số tiền 300.000 đồng/50 ngày/01 dây hội, góp trong thời hạn 50 ngày là theo hội mãn thì bà N xem như trả đủ số tiền 15.000.000 đồng/01 dây hội và trả đủ số tiền 45.000.000 đồng/03 dây hội cho bà T.

Đồng thời, bà N trình bày việc bà N có góp tiền trả cho bà T theo như thỏa thuận giữa bà N với bà T thì bà N chỉ còn nợ bà T số tiền 12.000.000 đồng được thể hiện tại 01 tờ giấy không đề ngày tháng năm do bà T ghi có nội dung bắt đầu bằng chữ “N ... còn 12.000.000 vốn” do bà N cung cấp, tờ giấy này bà N cho rằng được ghi vào khoảng tháng 02/2021 âm lịch, sau khi giữa bà N với bà T cộng trừ số tiền vốn và lãi bà N đã đóng cho bà T thì bà T xác nhận bà N chỉ còn nợ lại bà T 12.000.000 đồng nên bà T đã ghi “còn 12.000.000 vốn” chứ không phải 45.000.000 đồng như bà T khởi kiện. Tuy nhiên, bà T cho rằng việc bà T có ghi còn lại số tiền 12.000.000 đồng vốn là do bà N còn nợ bà T một khoản vay khác với số tiền 12.000.000 đồng được bà T cho bà N vay vào ngày 26/12/2020 âm lịch, do đó bà T có cung cấp cho Tòa án một “biên nhận đề ngày 26-12” thể hiện bà N có nhận của bà T số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N không thừa nhận chữ viết được ghi trên biên nhận do bà T cung cấp là của bà N tự viết ra. Tại Kết luận giám định số 325/KL-KTHS ngày 28/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận chữ viết trên “biên nhận đề ngày 26-12” so với chữ viết trên 02 biên nhận ngày 03/11/2020 AL, biên nhận ngày 07/10/2020-27/11/2020 AL, ngày 09/01/2021 AL và chữ viết họ tên “Nguyễn Băng N” dưới mục “Người nhận”, Người khai” trên 02 “biên bản giao nhận” ngày 16/8/2022, ngày 22/9/2022, “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 22/9/2022 là do bà N viết ra. Việc trưng cầu giám định chữ viết của bà N được thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật nên được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định vào ngày 26/12/2020 âm lịch bà N có vay của bà T số tiền 12.000.000 đồng và ý kiến phản đối của bà N cho rằng ngoài số tiền hội thì bà N không còn nợ khoản tiền vay nào khác của bà T là không có căn cứ để chấp nhận. Từ đó, khẳng định không có việc bà N trả tiền

cho bà T chỉ còn nợ số tiền 12.000.000 đồng mà bà N vẫn còn nợ bà T số tiền 36.000.000 đồng chưa trả cho bà T.

Do giữa các bên không có giao dịch hui mà số tiền nói trên được xác định là tiền vay và có việc thỏa thuận lãi suất nên cần điều chỉnh lại lãi suất là 20%/01 năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm đối với từng khoản vay nói trên cụ thể như sau:

- Vào ngày 07/10/2020 âm lịch (ngày 21/11/2020 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/01/2023, thời gian 02 năm 01 tháng 20 ngày với số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất được tính là 5.143.000 đồng.

- Vào ngày 03/11/2020 âm lịch (ngày 16/12/2020 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/01/2023, thời gian 02 năm 26 ngày với số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất được tính là 4.983.000 đồng.

- Vào ngày 26/12/2020 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/01/2023, thời gian 01 năm 11 tháng với số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất được tính là 4.642.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn 36.000.000 đồng + lãi 14.723.000 đồng = 50.723.000 đồng.

Tuy nhiên, bà T thừa nhận bà N có đóng cho bà T số tiền hui viên bỏ hui hốt trong 03 dây hui/50 ngày nhưng cũng không đóng đầy đủ nên bà T cũng không có ghi lại, bà T không có ghi lại từng lần hui viên bỏ hui hốt nhưng trung bình từ 8.000 đồng - 12.000 đồng/01 chung hui nên bà N có đóng cho bà T số tiền khoảng hơn 3.000.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà N trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng nên bà T chấp nhận đối trừ cho bà N số tiền 5.723.000 đồng đã đóng. Do đó, còn lại số tiền 45.000.000 đồng buộc bà N phải trả cho bà T.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N trả cho bà T số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền vay 12.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/12/2020 âm lịch, khi có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Do đó, quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Do bà N không thừa nhận chữ viết được ghi trên biên nhận do bà T cung cấp là của bà N tự viết ra. Kết luận giám định đã chứng minh yêu cầu của bà T là có căn cứ nên bà N phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.870.000 đồng theo quy định tại Điều 161 và 162 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà T đã thanh toán xong cho cơ quan tiến hành giám định nên buộc bà N phải hoàn trả lại số tiền này cho bà T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định tại

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161 và 162 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc bà Nguyễn Băng N trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Băng N phải trả lại cho bà Trần Thị T số tiền trung cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.870.000 (Năm triệu tám trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Nguyễn Băng N phải chịu 2.250.000 đồng. Bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.125.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018080 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay hoàn trả lại toàn bộ cho bà Trần Thị T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ